CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

1.1.1. Tên dự án:

+ Tên tiếng Việt: Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau.

+ Tên Tiếng Anh: Investment Project for the Construction of the Coastal Road Connecting Kien Giang Province and Ca Mau Province.

1.1.2. Địa điểm thực hiện:

Huyện An Biên và huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang trước đây (nay là xã Vân Khánh, xã Đông Hưng, xã Tân Thạnh, xã Tây Yên, xã Đông Thái, xã An Biên tỉnh An Giang).



Hình 1: Bản đồ vị trí hạng mục đề xuất đầu tư

1.1.3 Chủ dự án đầu tư:

- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang
- Địa chỉ: Số 06 đường Nguyễn Công Trứ, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
- Số điện thoại: (0296) 3854070
- Đơn vị đề xuất và chủ dự án: Sở xây dựng tỉnh An Giang
- Địa chỉ: Số 1190 Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

- Số điện thoại: 02973811834

1.1.4. Tiến độ thực hiện dự án:

Thời gian thực hiện dự án dự kiến: từ năm 2025 – 2030

1.2. Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án

1.2.1. Mục tiêu của dự án

1.2.1.1. Mục tiêu tổng quát

- Củng cố, nâng cấp và xây dựng hoàn thiện hệ thống đê biển để phòng tránh, giảm thiểu những tác động bất lợi từ biển và tạo động lực phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.
- Kết hợp khai thác giao thông trên mặt đê nhằm hoàn thiện mạng lưới giao thông liên vùng phù hợp với quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long và các quy hoạch khác tạo tiền đề cho dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng chủ động thích ứng biến đổi khí hậu; sắp xếp và ổn định dân cư ven biển; và tạo điều kiện thuận lợi để xử lý những tình huống ứng phó khẩn cấp thiên tai tại địa phương.
- Mở rộng không gian phát triển và tạo các hành lang để phát triển kinh tế, tạo quỹ đất cho sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả tài nguyên biển và vùng ven biển, phát triển kinh tế biển theo chiến lược biển Việt Nam; thu hút đầu tư phát triển các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu đô thị, du lịch, nuôi trồng thủy sản; tăng cường củng cố an ninh quốc phòng.

1.2.1.2. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thiện hệ thống chống sạt lở bờ biển (khoảng 57 km) trên tuyến đê biển tỉnh An Giang; xây dựng hoàn thiện hệ thống kè chắn sóng và trồng mới hệ thống rừng phòng hộ bảo vệ đê biển.
- Kết hợp cùng với dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở các địa phương thuộc dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long (ICRSL) và dự án 18 cống trên tuyến đê biển, ven biển nâng cao khả năng thích ứng biến đổi khí hậu cho khu vực, giải quyết vấn đề xâm nhập mặn và xói lở bờ biển.
- Xây dựng hệ thống đường bộ ven biển quy mô đường cấp III - đồng bằng, vận tốc thiết kế 80 km/h kết nối vào tuyến đường bộ ven biển tỉnh Cà Mau, góp phần hoàn thiện hệ thống đường hành lang ven biển địa phận tỉnh An Giang..

1.2.2. Công nghệ sản xuất: Thi công cơ giới

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

1.3.1. Phần đường

❖ *Tuyến đường chính:*

Xây dựng tuyến đường dài khoảng 69,39km quy ô cấp III đồng bằng, vận tốc thiết kế Vtk = 80km/h và các cầu BTCT vĩnh cửu trên tuyến với quy mô bề rộng cầu bằng bề rộng nền đường. Cụ thể như sau:

+ Nền đường rộng 12,0m gồm:

+ Mặt đường: 7m;

+ Bề rộng lề gia cố: 2 x 2,0 =4m

+ Lề không gia cố: 2 x 0,5 = 1m.

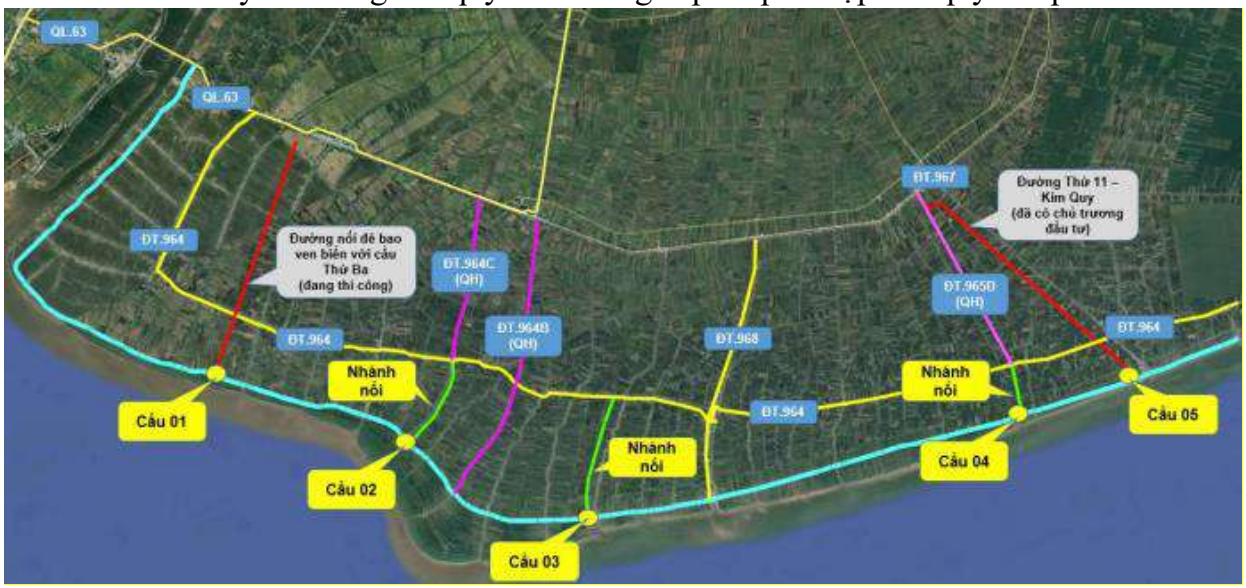
Căn cứ theo hồ sơ thiết kế đã được kiến nghị ở bước nghiên cứu Tiền khả thi, các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu được trích trong bảng dưới đây (theo TCVN 4054-2005).

Bảng 1: Các chỉ tiêu kỹ thuật cụ thể của tuyến

Hạng mục	**Đơn vị**	**Giá trị**
Cấp đường: Cấp III- Đồng bằng		
Vận tốc thiết kế	km/h	80
Tần suất thiết kế đường	%	4
Các thông số về đường cong đứng và đường cong bằng		
+ Bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn	m	250
+ Bán kính đường cong nằm tối thiểu không siêu cao	m	2500
+ Bán kính đường cong đứng lồi tối thiểu giới hạn	m	4000
+ Bán kính đường cong đứng lõm tối thiểu giới hạn	m	2000
+ Chiều dài đường cong đứng tối thiểu	m	70
Các thông số về độ dốc		
+ Độ dốc siêu cao lớn nhất	%	8
+ Độ dốc dọc lớn nhất	%	5
+ Chiều dài lớn nhất của dốc dọc tối đa	m	700
+ Chiều dài tối thiểu đổi dốc dọc (đường làm mới)	m	200

❖ *Phần đường nối:*

Đầu tư các tuyến đường với quy mô đường cấp III phù hợp với quy mô phần cầu.



Hình 2: ***Đề xuất các cầu vượt kênh Quốc phòng và nhánh nối***

1.3.2. Phần cầu

Dự án Đầu tư xây dựng 05 cây cầu vượt kênh Quốc phòng để kết nối từ tuyến đường ven biển sang khu vực nội đồng kết nối dân sinh với tuyến.

- Đối với cầu Kim Quy kết hợp cống ngăn mặn

Tại vị trí vượt Vàm Kim Quy, cầu Kim Quy hiện hữu có chiều rộng 5,5 m; phần xe chạy 4,5 m; tải trọng khai thác 0,65HL93 không đảm bảo yêu cầu về quy mô và tải trọng khai thác theo quy định. Do đó, kiến nghị đầu tư xây mới cầu Kim Quy với quy mô phù hợp với tuyến đường, cụ thể như sau:

- Cầu vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DƯL;

- Tải trọng thiết kế:

+ Xe ô tô thiết kế: HL93;

+ Người đi bộ: 3×10^{-3} Mpa.

- Mặt cắt ngang:

+ Bề rộng cầu : 12,0 m;

+ Bề rộng phần xe chạy : 11,0 m;

+ Lan can : 2 × 0,5 = 1,0 m.

- Đối với các cầu qua kênh Quốc phòng

Ngoài ra đầu tư các tuyến đường nối từ các cầu vượt qua kênh Quốc phòng tới các tuyến đường hiện có nhằm hoàn thiện mạng lưới giao thông khu vực, tăng hiệu quả đầu tư của các công trình cầu.

- Quy mô đầu tư

Phần cầu:

- Cầu vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DƯL;

- Tải trọng thiết kế:

+ Xe ô tô thiết kế: HL93;

+ Người đi bộ: 3×10-3 Mpa.

- Mặt cắt ngang:

+ Bề rộng cầu : 9,0 m;

+ Bề rộng phần xe chạy : 8,0 m;

+ Lan can : 2 × 0,5 = 1,0 m.

1.3.3. Phần kè chắn sóng

Quy mô đầu tư:

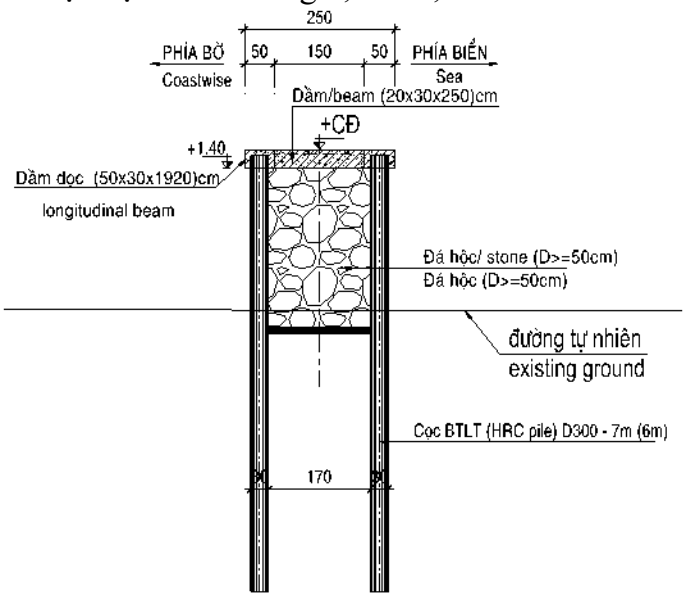
Phạm vi:

- Điểm đầu: Kênh Thứ Hai;

- Điểm cuối: Kênh Xẻo Bần.

Chiều dài: 15,0 km;

Kết cấu kè gồm hai hàng cọc dự ứng lực D300A cách nhau 2,6 m các đầu cọc được liên kết với nhau bằng dầm dọc và dầm ngang BTCT, giữa 2 hàng cọc rải đá hộc bằng cao độ mặt dầm. Chiều dài cọc dự kiến khoảng 6,0 - 10,0 m.



Hình 1. Mặt cắt điển hình kè chắn sóng

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Các yếu tố nhạy cảm về môi trường được quy định cụ thể tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ, sửa đổi bổ sung tại Nghị định 05/2025/ NĐ-CP. Tuyến đi qua vùng trồng lúa với diện tích đất trồng lúa bị ảnh hưởng khoảng 43,031 ha; và 3,114 ha rừng (trong đó có 0,336 ha rừng phòng hộ). Dự án không có hoạt động xả thải vào nguồn nước cấp sinh hoạt. Yêu cầu di dân, tái định cư do dự án ở mức độ thấp. Ngoài ra, các khu dân cư có khả năng bị ảnh hưởng bởi các hoạt động thi công của dự án.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

2.1.1. Mô tả vị trí, ranh giới dự án; việc chiếm dụng các loại đất khác nhau.

2.1.1.1. Vị trí, ranh giới dự án

1). Tuyến đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau.

- Điểm đầu: giao với QL63 (đường hành lang ven biển phía Nam);
- Điểm cuối: Kết nối với đừng ven biển tỉnh Cà Mau;
- Chiều dài tuyến: 69,39 km.

2) Phần cầu:

Theo nghiên cứu quy hoạch và các công trình đang được thực hiện trên địa bàn, tư vấn đề xuất đầu tư 05 cây cầu bao gồm:

Bảng 3: Vị trí đề xuất cầu vượt kênh Quốc Phòng

STT	Cầu	Vị trí
1	Cầu số 01	Nối vào tuyến đường nối đê bao ven biển với cầu

		Thứ Ba (đang được thi công giai đoạn 1)
2	Cầu số 02	Tại vị trí ĐT.964C quy hoạch
3	Cầu số 03	Tại vị trí khu vực kênh thứ 9
4	Cầu số 04	Tại vị trí ĐT.965D quy hoạch
5	Cầu số 05	Nối vào tuyến đường Thứ 11 - Kim Quy (đã được phê duyệt chủ trương đầu tư)

Đối với cầu số 01 và số 05, hiện đã có dự án riêng nên chỉ đầu tư xây dựng cầu vượt kênh Quốc phòng. Đối với cầu số 02, 03 và 04 đầu tư xây dựng cầu vượt kênh Quốc phòng và các tuyến nhánh nối ra ĐT.964 để đảm bảo kết nối giao thông đồng bộ, liền mạnh giữa tuyến đường ven biển với hạ tầng giao thông trong khu vực.

3) Phần kè chắn sóng:

Trên phạm vi đầu tư tuyến đường ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau, đoạn dọc bờ biển có điểm đầu từ sông Cái Lớn tới Rạch Tiểu Dừa (giáp tỉnh Bến Tre) có chiều dài khoảng 60 km. Hiện nay, tỉnh Kiên Giang đã triển khai đầu tư một số đoạn kè chắn sóng ven biển nhằm bảo vệ bờ biển và ổn định đời sống dân cư. Tuy nhiên vẫn còn đoạn từ Kênh Thứ Hai đến Kênh Xẻo Bần chưa được đầu tư. Do đó trong phạm vi dự án, thực hiện đầu tư hoàn thiện đoạn tuyến trên để đảm bảo tính đồng bộ và khai thác hiệu quả tuyến đường ven biển.

Quy mô đầu tư:

Phạm vi:

- Điểm đầu: Kênh Thứ Hai;
- Điểm cuối: Kênh Xẻo Bần.
- Chiều dài: 15,0 km;

4) Trồng rừng ngập mặn

- Phạm vi thực hiện: Vùng diện tích giữa bờ biển và kè chắn sóng khu vực từ cống Kênh Thứ Hai đến cống Kênh Thứ Tám;

- Diện tích: khoảng 510 ha.

- Loại cây trồng: Dự án lựa chọn trồng cây Đước đôi bằng trụ mầm.

2.1.1.1. Diện tích chiếm dụng đất của dự án

Dự kiến Tổng diện tích GPMB của dự án:

Loại phân loại	**Diện tích (ha)**	**Số tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sử dụng đất**		
		Có quyền sử dụng đất	**Không có quyền sử dụng đất**	**Người thuê/ nhận giao khoán**
Đất do cá nhân, hộ gia đình sử dụng	**53,62**	**494**	**0**	**2**
Đất trồng lúa	43,031	365	-	-
Đất trồng cây lâu	3,804	75	-	-

năm				
Đất giao thông	0,004	1	-	-
Đất thủy lợi	0,300	7	-	-
Đất nuôi trồng thủy sản	1,667	19	-	-
Đất ở nông thôn	0,377	38	-	-
Đất rừng sản xuất	4,441	36	-	2
Đất do tổ chức công sử dụng	**102,15**	**14**	**0**	**0**
Đất trồng cây lâu năm	0,041	1	-	-
Đất quốc phòng	0,010	1	-	-
Đất công trình bưu chính, viễn thông	0,003	1	-	-
Đất giao thông	83,434	7	-	-
Đất thủy lợi	12,957	8	-	-
Đất trụ sở tổ chức sự nghiệp	0,017	1	-	-
Đất văn hóa	0,004	1	-	-
Đất trồng lúa	0,927	3	-	-
Đất có mặt nước ven biển	0,118	1	-	-
Đất nuôi trồng thủy sản	0,947	1	-	-
Đất rừng phòng hộ	0,336	2	-	-
Đất rừng sản xuất	2,778	2	-	-
Đất sông, ngòi, mặt nước, kênh, rạch	0,582	4	-	-
Tổng	**155,78**	**508**	**0**	**2**

Nguồn: Theo kết quả của việc khảo sát sơ bộ (IOL),12.2025

Dự án dự kiến thu hồi và GPMB khoảng 155,78 ha, trong đó khoảng 53,62 ha đất tư nhân và 102,15 ha đất công.

2.1.2. Mô tả mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh.

Qua đánh giá tổng thể, tuyến đường ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau có chiều dài tổng cộng khoảng 69,39 km, bắt đầu từ QL.63, xã An Biên, tỉnh An Giang, lần lượt đi qua các xã An Biên, Tây Yên, Đông Thái, Tân Thạnh, Đông Hưng, Vân Khánh và kết nối vào dự án đường ven biển tỉnh Cà Mau. Tuyến đường có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đóng vai trò là đoạn kết nối then chốt trong trục giao thông ven biển của vùng đồng bằng sông Cửu Long cũng như cả nước.

- Đoạn tuyến từ Km0+00 tới Km11+650, tuyến chủ yếu đi theo đường dân sinh hiện hữu cũng như qua khu vực đất trồng lúa.
- Tại đoạn từ Km11+650 tới Km12+065, tuyến kết nối với dự án cầu trên tuyến đường bộ ven biển kết nối từ An Biên - Rạch Giá đang được triển khai thi công, do đó trong phạm vi dự án không đầu tư thực hiện đoạn tuyến tuyến này.
- Từ Km12+065 tới cuối tuyến (Km69+390), tuyến chủ yếu đi trên tuyến đê hiện trạng chạy song song với kênh Quốc phòng đã được đầu tư từ giai đoạn trước và điểm cuối kết nối với dự án đường ven biển tỉnh Cà Mau.
- Trên toàn tuyến có tổng cộng 33 cống ngăn mặn kết hợp cầu đã và đang được triển khai thực hiện tại các dự án phòng chống thiên tai của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang. Hướng tuyến sẽ đi trên các vị trí cầu này nhằm tận dụng tối đa các công trình hiện hữu, tối ưu chi phí đầu tư.

2.1.3. Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Khu dân cư: Tuyến đường đi qua và giao cắt với nhiều khu dân cư, trong đó có các khu vực tập trung nhiều tại các tuyến nhánh tại lý trình km31+207 (thuộc xã Đông Thái); km40+300 (thuộc xã Tân Thạnh); km59+515 (thuộc xã Đông Hưng);

- Đất lúa: Tuyến đường giao cắt qua nhiều khu vực trồng lúa, đặt biệt là đoạn từ Km0+00 tới Km11+650; Tổng diện tích đất lúa bị ảnh hưởng ước khoảng 43,958 ha, tập trung chủ yếu tại các xã Tây Yên.

- Lâm nghiệp: Tuyến đường dự kiến cắt qua khu vực rừng phòng hộ tại Km 12+200 xã Tây Yên và Km 68+400 xã Vân Khánh với tổng diện tích bị ảnh hưởng là 0,336 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: Dự án dự kiến thu hồi khoảng 2,614 ha, phần lớn diện tích hiện đang được sử dụng để nuôi tôm và cua. Phân bố rải rác trên dọc tuyến đường thuộc 5 xã Vân Khánh, xã Đông Hưng, xã Tân Thạnh, xã Tây Yên, xã Đông Thái.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

2.2.1. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.2.1.1. Trong giai đoạn chuẩn bị

- Dự án có tổng diện tích chiếm đất khoảng **155,78** ha, bao gồm: 43,958 ha đất trồng

lúa; 3,845 ha đất trồng cây lâu năm; 0,377 ha đất ở; 2,614 ha đất nuôi trồng thủy sản; 83,438 ha đất giao thông; 13,257 ha đất thủy lợi; 0,582 ha đất mặt nước; 0,118 ha đất mặt nước ven biển; 7,555 ha đất lâm nghiệp; 0,017 ha đất trụ sở tổ chức sự nghiệp; 0,004 ha đất văn hoá;.

- Việc chiếm dụng đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm, đất ở, đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất thủy lợi, đất giao thông, đất rừng sản xuất, đất mặt nước, đất năng lượng, đất phi nông nghiệp khác, đất chưa sử dụng ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, đời sống, việc làm, sinh kế, thu nhập của các hộ dân bị ảnh hưởng.

- Hoạt động bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ cho các hộ dân bị chiếm dụng đất để thực hiện dự án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

2.2.1.2. Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động bóc lớp đất hữu cơ, phá dỡ các công trình hiện hữu trong phạm vi thực hiện Dự án và hoạt động di chuyển đường điện để tạo mặt bằng thi công công trình; hoạt động vận hành các công trường thi công, các bãi chứa tạm; hoạt động đào đắp nền đường; hoạt động thi công các hạng mục công trình trên tuyến, hoạt động vận chuyển đổ thải (đất bóc hữu cơ, sinh khối phát sinh thải bỏ, đất đá thải bỏ, chất thải xây dựng), vận chuyển nguyên vật liệu; hoạt động của các thiết bị thi công phát sinh rung chấn, tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến môi trường không khí,

- Hoạt động giao thông đi lại, ảnh hưởng tới sức khỏe người dân và hệ sinh thái dọc theo tuyến đường và tiềm ẩn nguy cơ sự cố xói lở, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, mất an toàn do cháy, nổ.

2.2.1.3. Giai đoạn vận hành:

- Trong giai đoạn vận hành, chủ yếu phát sinh bụi và khí thải của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến đường.

- Hoạt động vận hành, bảo trì, duy tu, sữa chữa trên tuyến phát sinh chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

2.2.2. Các tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

2.2.2.1. Nước thải

1. Trong giai đoạn xây dựng

Nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân: Nguồn nước thải chủ yếu đến từ sinh hoạt hàng ngày của công nhân tại công trường, với số lượng tối đa khoảng 40 công nhân/công trình (trong đó khoảng 50% công nhân lưu trú tại chỗ). Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của mỗi công nhân ước tính khoảng 80 lít/người/ngày, do đó tổng lượng nước cấp cho sinh hoạt tại mỗi công trường vào khoảng 2,4 m^3/ngày. Nước

thải sinh hoạt có đặc tính chứa hàm lượng lớn chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, giàu chất dinh dưỡng và tiềm ẩn nhiều vi sinh vật gây bệnh.

Nước thải thi công xây dựng: chủ yếu từ quá trình làm mát, bảo dưỡng máy móc thiết bị và quá trình vệ sinh phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường. Lưu lượng phát sinh khoảng 30 m3/ngày.đêm/công trường. Tính chất nước thải thi công xây dựng như sau: chất rắn lơ lửng, đất cát, dầu mỡ,…

Nước mưa chảy tràn: nước mưa có thể cuốn theo các chất bẩn trên bề mặt làm gây ô nhiễm nguồn nước mặt xung quanh như sông Cổ Chiên, diện tích nuôi trồng thủy sản, kênh mương gần tuyến đường, có thể ảnh hưởng tới nguồn nước ngầm khu vực dự án với thành phần chủ yếu là bùn đất. Mức độ phát sinh và mức độ ô nhiễm tùy thuộc việc thực hiện các biện pháp che chắn vật liệu của nhà thầu.

2. Trong giai đoạn vận hành

Không phát sinh nước thải

2.2.2.2. Bụi, khí thải

1. Trong giai đoạn xây dựng

Bụi khí thải từ các phương tiện, máy móc thi công nạo vét đất hữu cơ, phá dỡ các công trình hiện hữu. Bụi phát sinh trong giai đoạn này thường có kích thước lớn và không có khả năng phát tán rộng, phần lớn sẽ phát tán trong khu vực công trường xây dựng. Thành phần chủ yếu là bụi, các khí CO, NOx, SOx của máy móc, phương tiện vận chuyển.

Hoạt động đào đắp, tập kết nguyên vật liệu, vận chuyển nguyên vật liệu thi công, đất thải, phế thải xây dựng và hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh chủ yếu là bụi.

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển và của các thiết bị, máy móc thi công có sử dụng dầu DO phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm chủ yếu là: Bụi, CO, SO2, NOx.

2. Trong giai đoạn vận hành

Hoạt động của các phương tiện lưu thông trên tuyến phát sinh bụi, khí thải có thông số ô nhiễm chủ yếu gồm: Bụi, CO, NOx, SO2.

2.2.2.3. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

(1). Quy mô của chất thải rắn sinh hoạt

a). Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng, chủ yếu là nilon, vỏ chai nhựa, thức ăn thừa, các loại bao bì thực phẩm. Định mức phát sinh rác sinh hoạt được quy định tại QCVN 01:2021/BXD. Dựa vào điều kiện khu vực dự án, định mức rác thải sinh hoạt phát sinh của một người/ngày là 0,5 kg/người/ngày. Khối

lượng phát sinh khoảng 20kg/ngày/công trường.

b). Trong giai đoạn vận hành

Không phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn vận hành dự án.

(2). Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a). Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

Chất thải rắn thông thường phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng gồm: đất nạo vét bùn (tầng đất mặt); đất cấp 3; Gạch ngói vỡ, bê tông, mương thủy lợi phát sinh từ hoạt động phá dỡ công trình hiện hữu trong phạm vi giải phóng mặt bằng.

b). Trong giai đoạn vận hành

Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động duy tu, sửa chữa khoảng 4-5kg/đợt bảo dưỡng/công trình.

(3). Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a). Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

Các nguồn chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công các hạng mục của dự án bao gồm: (i) Vật liệu nhiễm dầu từ quá trình bảo dưỡng máy móc thi công; (ii) Nhựa đường lấy ra từ quá trình thi công đường, thùng chứa nhựa đường; (iii) Bao, thùng chứa dầu, nhựa đường, xăng và sơn; (iv) Que hàn thừa; (v) Pin, bóng đèn, hộp mực từ văn phòng tại công trường thi công. Khối lượng chất thải nguy hại phụ thuộc vào số lượng thiết bị/máy móc, nhân công và khối lượng vật liệu:

Dầu mỡ thải từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện vận chuyển và máy móc thi công (trung bình khoảng 03 - 06 tháng thay dầu 01 lần). Lượng dầu mỡ thải phát sinh ước tính: 24,08kg/tháng. Tuy nhiên, hầu hết lượng dầu thải phát sinh tại các cơ sở bảo trì, sửa chữa phương tiện và được các đơn vị này thu gom, do đó khối lượng dầu mỡ thải phát sinh tại khu vực thi công thực tế thấp hơn nhiều, chủ yếu từ hoạt động sửa chữa nhỏ được thực hiện ngay tại công trường.

Chất thải từ que hàn sử dụng trong khung thép phát sinh tại công trường xây dựng. Ước tính tỷ lệ phần dư của que hàn bằng 5-7% khối lượng que hàn. Tuy nhiên, que hàn được sử dụng không liên tục và ít, chất thải sẽ được thu gom đến bãi chôn lấp chất thải nguy hại theo quy định.

Tổng khối lượng chất thải rắn nguy hại khoảng 26,56kg/tháng.

b). Trong giai đoạn vận hành

Không phát sinh chất thải nguy hại.

2.2.3. Các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

2.2.3.1. Tiếng ồn, độ rung

1). Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

Việc phá dỡ các công trình hiện hữu để giải phóng mặt bằng, các hoạt động thi công như đào, đắp, hoặc vận hành các phương tiện vận chuyển vật liệu sẽ tạo ra tiếng ồn đáng kể, có thể ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của người dân địa phương và công nhân làm việc tại công trường. Mức độ tiếng ồn phát ra từ các máy móc và thiết bị xây dựng hạng nặng dao động từ 80 đến 120 dB (A) (một số máy gây ồn là máy đóng cọc, máy xúc khi tiếp xúc với bề mặt cứng như bê tông, nền đường, máy cắt, máy bơm...). Tiếng ồn có thể khiến công nhân và những người dân gần đó cảm thấy căng thẳng, mệt mỏi; làm mất tập trung và ảnh hưởng đến sức khỏe như gây đau tai, gây mất ngủ…. Tác động của tiếng ồn được coi là trung bình đối với người lao động được QCVN 24:2016 (về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn) quy định mức tiếp xúc cho phép với tiếng ồn tại nơi làm việc trong 8 giờ là 85 dBA, trong khi mức độ tiếng ồn phát ra từ các máy móc và thiết bị xây dựng hạng nặng dao động từ 81 đến 94 dB(A). Đối với các hộ dân lân cận, xét đến khu dân cư chỉ rải rác tại một điểm giao cắt với tuyến đường, đa số khu vực thi công sẽ xa khu dân cư và độ lớn tiếng ồn từ hầu hết các máy móc đều cao hơn QCVN 26:2010/BTNMT là 70dB tại khu vực bình thường từ 6 giờ sáng đến 9 giờ tối, tác động của tiếng ồn từ hoạt động xây dựng được đánh giá là "trung bình".

2) Trong giai đoạn vận hành

Hoạt động của các phương tiện đủ điều kiện tham gia giao thông phát sinh tiếng ồn và độ rung.

2.2.3.2. Các tác động khác

1). Trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng

Tác động của việc chiếm dụng đất: Việc triển khai dự án làm thay đổi lâu dài mục đích sử dụng đất, giảm diện tích đất trồng lúa của địa phương, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị mất đất sản xuất.

Hoạt động hoàn trả kênh mương có khả năng gây gián đoạn khả năng tiêu thoát nước, nguồn cấp nước cho hoạt động sản xuất nông nghiệp, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội và hoạt động canh tác, sản xuất nông nghiệp của người dân khu vực Dự án và lân cận.

Hoạt động thi công mố các cầu, cống thoát nước có khả năng ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt các sông, kênh tưới tiêu khu vực dự án và lân cận.

Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất thải có khả năng gây ngập úng, gây hư hại đường giao thông, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ; ảnh hưởng tới hoạt động giao thông đường bộ.

2). Trong giai đoạn vận hành

Tác động bồi xói làm tắc nghẽn hệ thống thoát nước dọc tuyến.

Tác động do sụt lún tại một số vị trí nền đất yếu.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

2.3.1. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

2.3.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng

- *Đối với nước thải sinh hoạt*: Tại những vị trí thuê nhà dân để lưu trú sử dụng công trình vệ sinh có bể tự hoại của nhà dân được thuê để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt. Tại các vị trí thi công khác, do tính chất Dự án là thi công theo hình thức cuốn chiếu và di chuyển liên tục trên tuyến nên sẽ thuê nhà vệ sinh lưu động để thu gom. Dự kiến bố trí 12 nhà vệ sinh lưu động, 10 cái bố trí tại công trường thi công tuyến đường, 02 cái bố trí tại công trình thi công cầu.

- *Nước mưa chảy tràn*: Tại mỗi công trường, xây dựng hệ thống rãnh tạm thời thu gom nước mưa trước khi san gạt mặt bằng, kích thước tối thiểu 50x50x30cm được đầm chặt và lót vải địa kỹ thuật chống xói. Thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước, đảm bao lưu thông dòng chảy; bùn đất thu gom được tại các rãnh thoát nước được đổ thải cùng đất đá thải của dự án. Ngoài ra, khu vực tập kết nguyên nhiên vật liệu cần được để cao hơn mặt đất và được che chắn cẩn thận tránh trường hợp nước mưa chảy tràn làm ướt và cuốn nguyên liệu ra nguồn nước mặt xung quanh. Khi thi công đất không được thải nước, đất xấu và các phế liệu khác vào làm hư hỏng đất nông nghiệp và các loại đất trồng khác, không được thải bừa bãi nước bẩn, đất rác bẩn ra khu vực công trình đang sử dụng.

- *Nước thải xây dựng*: Nước thải xây dựng chủ yếu là nước rửa xe và nguyên vật liệu. Mỗi công trường bố trí các thùng phi để chứa nước rửa dụng cụ tại công trường, 01 hệ thống cầu rửa xe, cống và các hố đào lắng cặn có lớp bạt lót với bộ phận xử lý tách dầu bằng bẫy dầu tại khu vực thi công để thu gom trước khi thải ra hệ thống thoát nước tại khu vực. Váng dầu được thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của Dự án theo quy định; đất, cát, cặn tại bể lắng được thu gom và vận chuyển đến vị trí đổ thải phế thải xây dựng.

2. Trong giai đoạn vận hành

Không có.

3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý toàn bộ nước phát sinh trong quá trình thi công xây dựng của Dự án đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải ra ngoài môi trường; tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy đinh chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và quy định pháp luật khác có liên quan; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy đinh chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và quy định pháp luật khác có liên quan.

2.3.1.2. Các công trình và biện pháp xử lý bụi, khí thải

1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng

- Xe vận chuyển đất, đá, vật liệu thi công phải phủ bạt và có thùng xe kín; chỉ sử dụng những phương tiện, máy móc đã được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định…

- Bảo quản vật liệu trong kho chứa, thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận;

- Phun nước giảm bụi với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày trên khu vực công trường và tuyến đường vận chuyển gần khu vực dự án; thu gom chất thải rơi vãi trên công trường và tuyến đường vận chuyển qua khu dân cư khu vực dự án.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân thi công trên công trường để hạn chế ảnh hưởng của bụi đến sức khỏe công nhân; kiểm tra định kỳ sức khỏe cho công nhân để hạn chế các bệnh về đường hô hấp.

2. Trong giai đoạn vận hành

Không có.

3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi dự án trong giai đoạn thi công xây dựng đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường và QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

2.3.1.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

1) Giai đoạn thi công xây dựng

a) Chất thải rắn sinh hoạt

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng rác chuyên dụng có nắp đậy có dung tích 60 lít/thùng tại lán trại và công trình phụ trợ để phân loại, lưu chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, xử lý với tần suất 01- 02 lần/tuần.

b) Chất thải rắn xây dựng thông thường

+ Chất thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng trong phạm vi giải phóng mặt bằng và hoạt động đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án: phân loại chất thải để tận dụng một phần phế thải (như bao xi măng, đầu mẩu sắt, thép) chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu mua, tái chế phế liệu theo đúng quy định. Đất đá trong quá trình đào cũng được tận dụng để đắp trả móng, nền đường.

+ Đối với khối lượng sinh khối cần phát quang: Tạo điều kiện cho các hộ gia đình thu hoạch nông sản, hoa màu và tận dụng thân, cành của các cây gỗ có kích thước lớn làm củi đun, thức ăn chăn nuôi gia súc; tập kết tại chỗ vận chuyển ra ngoài.

c) Chất nguy hại

+ Các loại chất thải nguy hại được phân loại riêng và chứa trong những thùng chứa có nắp đậy, dự kiến 02 thùng nhựa có dung tích 1m3 cho mỗi công trường. Việc lưu trữ phải tuân thủ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, sửa đổi bổ sung tại Thông tư 07/2025/ TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, được đặt ở nơi có nền đất chống thấm, có biển cảnh báo và dãn mã chất thải nguy hại. Toàn bộ chất thải nguy hại sẽ được chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng của địa phương để vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng của địa phương để vận chuyển và xử lý theo quy định. Khi khối lượng đạt yêu cầu, toàn bộ chất thải nguy hại sẽ được thu gom và vận chuyển đi.

2). Giai đoạn vận hành

Không có.

3). Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy đinh chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành.

Chỉ được phép đổ đất, đá dư thừa vào các vị trí được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Việc đổ đất, đá dư thừa cần đảm bảo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4447:2012 về công tác đất - thi công và nghiệm thu, đảm bảo không làm thay đổi mục đích sử dụng đất, không gây cản trở dòng chảy, thoát nước và không gây trở ngại cho thoát lũ.

2.3.2. Mô tả các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

2.3.2.1 Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

1). Giai đoạn xây dựng

Công trình, biện pháp kiểm soát mức ồn từ hoạt động thi công và vận chuyển: Các thiết bị và máy móc thi công đạt kiểm định chất lượng đạt yêu cầu; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

Biện pháp kiểm soát mức rung từ hoạt động thi công: Ưu tiên sử dụng các thiết bị có mức rung thấp; Đặt các máy móc, thiết bị tại khu vực có mặt bằng phẳng và nền đất kiên cố; cam kết đền bù thiệt hại trong trường hợp hoạt động thi công gây rung lắc hư hại

đến công trình.

Các phương tiện vận chuyển bảo đảm chuyên chở đúng tải trọng cho phép; sử dụng các thiết bị thi công được đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên.

Ưu tiên sử dụng các thiết bị có mức rung nguồn thấp (như sử dụng lu thường thay lu rung ở các vị trí sát nhà dân và công trình công cộng,...); trường hợp thi công gần khu dân cư và các công trình xây dựng được bố trí hệ thống rãnh chống rung xung quanh khu vực thi công; ghi nhận hiện trạng công trình trước khi thi công; giám sát mức rung để kịp thời xử lý và đền bù trong trường hợp hoạt động thi công gây rung lắc hư hại đến công trình; cam kết đền bù mọi thiệt hại nếu hoạt động thi công gây hư hại đến công trình.

- Xây dựng kế hoạch thi công hợp lý nhằm giảm bớt nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung cùng một lúc gây ra.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân.

2). Giai đoạn vận hành

Không có.

3). Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

2.3.2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phương án cải tạo, phục hồi môi trường: Không có.

- Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Lập và thực hiện phương án trồng rừng thay thế theo đúng quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

+ An toàn lao động: Bố trí cán bộ phụ trách an toàn bảo hộ lao động, tuyên truyền, kiểm tra an toàn lao động cho công nhân hàng ngày đảm bảo nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về an toàn lao động. Trang bị đầy đủ quần áo bảo hộ, cũng như dụng cụ y tế trong trường hợp khẩn cấp.

+ An toàn máy móc thiết bị: Tất cả các loại máy móc, trang thiết bị cơ giới cần kiểm tra theo, dõi thường xuyên để duy trì ở tình trạng hoạt động tốt, an toàn. Công nhân trực tiếp vận hành máy thi công được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố và luôn luôn có mặt tại vị trí của mình.

+ An toàn thi công điện: Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra, thanh tra định kỳ về an toàn điện.

+ An toàn, phòng tránh cháy nổ: Công tác phòng chống cháy nổ được thực hiện

nghiêm túc, thường xuyên trong suốt quá trình thi công, thực hiện nghiêm chỉnh pháp lệnh phòng cháy chữa cháy, điều lệ nội quy an toàn phòng cháy. Trang bị các phương tiện chữa cháy cần thiết như, có bảng tiêu lệnh chữa cháy, cấm lửa, số điện thoại báo cháy trong trường hợp khẩn cấp.

+ Phòng, tránh, xử lý sự cố cháy rừng: Đơn vị thi công quản lý chặt chẽ lực lượng thi công xây dựng trên công trường, không mang chất dễ cháy hay tổ chức đun nấu vào khu vực có rừng, nghiêm cấm các hành vi phá hoại rừng trên khu vực công trường đoạn thi công. Khi có cháy xảy ra: Huy động toàn bộ lực lượng, phương tiện, thiết bị chữa cháy để dập tắt đám cháy nhanh nhất và có hiệu quả nhất.

+ Sự cố mưa, bão, lụt, thiên tai: Chủ đầu tư phối hợp cùng các đơn vị thi công trên các công trường triển khai công tác ứng phó, chủ động phòng chống thiên tai. Thường xuyên quan sát diễn biến thời tiết; ngừng các hoạt động thi công trước khi có mưa bão; thực hiện các hoạt động phòng chống thiên tai như: gia cố khu lán trại, che kín, di chuyển kho bãi chứa vật liệu xây dựng; kiểm tra hệ thống điện, thoát nước xung quanh đảm bảo an toàn trước và sau mưa mưa bão; đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc trước, trong và sau khi có sự cố mưa bão.

+ Biện pháp ứng phó sự cố sạt lở đất đá, sụt lún công trình: Chủ đầu tư phối hợp với các nhà thầu thi công thực hiện khảo sát kỹ địa chất trên các tuyến giao thông, đặc biệt là các vị trí làm cầu mới, khu vực qua đồng ruộng và khu vực qua ao hồ thủy lợi. Tuyệt đối tuân thủ thi công theo đúng thiết kế kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Biện pháp ứng phó sự cố thuỷ lợi: Dùng bạt che chắn và bể lắng để giữ lại cặn bẩn trước khi nước chảy vào hồ, kênh hoặc sông. Dùng phao quây dầu nếu sự cố liên quan đến tràn dầu từ máy móc thi công và thu gom toàn bộ dầu tràn để xử lý theo quy định, tránh việc loang dầu theo dòng nước.

+ Quan trắc địa kỹ thuật thường xuyên để phát hiện sớm các dấu hiệu lún sụt, từ đó có biện pháp xử lý kịp thời như gia cố nền móng hoặc điều chỉnh phương án thi công.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

2.4.1. Chương trình quản lý môi trường

Bảng 1–3: Chương trình quản lý môi trường của dự án

Giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
I. Giai đoạn triển khai xây dựng				
1	**Chiếm dụng đất, di dời và tái định cư**			
	Chiếm dụng đất thổ cư	- Di dời - Thiệt hại kinh tế đối với các hộ sản xuất nông nghiệp, thủy sản	- Chuẩn bị phương án đền bù GPMB và TĐC theo pháp luật Việt Nam - Chủ Dự án sẽ phối hợp với ban đền bù giải phóng mặt bằng/ trung tâm phát triển quỹ đất của huyện để thực hiện chính sách và các biện pháp phù hợp với luật pháp và điều kiện thực tế của địa phương.	Hoàn thành trước khi dự án thi công
	Di dời mộ	Ảnh hưởng tâm linh đến thân nhân ngôi mộ	- Thông báo sớm thời gian GPMB cho thân nhân ngôi mộ để họ tiến hành các lễ nghi cần thiết. - Bồi thường và hỗ trợ kinh phí hợp lý cho việc di dời, vận chuyển và chôn lấp mộ mới. - Dự án sẽ thông báo trước cho người dân để họ bố trí di dời mộ vào thời điểm thích hợp	
2	**Giải phóng mặt bằng**			
	Phá dỡ và san ủi tạo mặt bằng	- Ô nhiễm không khí bởi bụi từ hoạt động phá dỡ nhà cửa, chuẩn bị công trường	- Kiểm soát bụi trong quá trình phá dỡ nhà cửa, san ủi mặt bằng và giảm thiểu tác động đến sức khỏe cộng đồng do bụi - Tưới nước làm ẩm;	Khoảng 1 tuần tại khu vực phá dỡ/mỗi giai đoạn

+

Giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
		- Ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng do bụi, ồn từ hoạt động phá dỡ và san ủi tạo mặt bằng	- Che chắn bằng bạt; - Vận chuyển chất thải; - Giảm thiểu các tác động đến sức khỏe cộng đồng do ồn - Không phá dỡ, san ủi và vận chuyển vào ban đêm; - Bảo dưỡng các thiết bị để đảm bảo vận hành trơn tru, qua đó giảm mức ồn nguồn; - Hạn chế vận hành đồng thời các thiết bị. - Giảm thiểu tác động đến mỹ quan do chất thải rắn - Thực hiện phân loại và tận thu; - Thu gom và lựa chọn điểm tập kết tạm thời và ký kết hợp đồng với các đơn vị môi trường có chức năng về thu gom, xử lý và vận chuyển.	
	Thi công xây dựng hạng mục chính và các công trình phụ trợ	- Bụi, khí thải từ thiết bị, máy móc phục vụ thi công xây dựng như máy trộn xi măng, máy đóng cọc, máy đào, san lấp,.... - Bụi, khí thải từ quá trình cắt, hàn sắt thép. - Chất thải rắn xây dựng. - Chất thải nguy hại gồm các thùng sơn, giẻ lau dính dầu mỡ,…	- Bố trí hợp lý đường vận chuyển và đi lại của các phương tiện vận chuyển. - Phân luồng giao thông nội bộ trên khu vực dự án, cụ thể là phân tuyến lối vào và lối ra khác nhau, tránh gây tắc nghẽn, chồng chéo. - Bố trí hố thu nước thải xây dựng để lắng sơ bộ trước khi thải. - Bố trí khu vực và các thùng lưu chứa chất thải rắn. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kì thu gom xử lý. - Bố trí khu vực rửa xe tại công trường,....	

+

Giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
		- Nước thải xây dựng từ rửa thiết bị, máy móc, xe vận chuyển ra vào công trường. - Rò rỉ xăng, dầu nhớt từ các thiết bị thi công. - Rải đổ nhựa đường khu vực nội bộ.		
3	**Bụi và các khí thải**			
	- Đào đắp và các hoạt động liên quan; - Vận chuyển đất đá loại; - Hoạt động trạm trộn - Hoạt động thảm mặt đường	- Ô nhiễm không khí bởi bụi xung quanh vị trí thi công đào đắp, thảm nhựa phần đường; dọc tuyến vận chuyển và xung quanh trạm trộn. - Ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng tại các khu dân cư gần khu vực thi công, các hộ dọc tuyến vận chuyển, các hộ gần vị trí trạm trộn và bãi đổ đất đá loại.	- Làm ẩm khu vực có khả năng phát tán bụi; - Ngăn ngừa phát tán bụi tại các bãi chứa tạm; - Sử dụng các phương tiện có nắp đậy để vận chuyển; - Làm sạch đường khu vực gần các cửa ra vào khu vực thi công - Hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm; - Ngăn ngừa phát tán bụi tại khu vực lưu trữ vật liệu trộn; - Ngăn ngừa phát tán bụi khi đổ vật liệu; - Ngăn ngừa phát tán bụi từ hoạt động nghiền đá; - Ngăn ngừa phát tái bụi tại băng chuyền; - Ngăn ngừa phát tán bụi tại silo - Quy định về giờ thổi bụi: Tiến hành thổi bụi vào giờ có ít lưu lượng giao thông cũng như ít các hoạt động kinh tế - xã hội.	- Thời gian thi công đào đắp và vận chuyển đất đá loại - Thời gian vận hành trạm trộn bê tông xi măng

+

Giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			- Làm sạch sơ bộ: Tiến hành công tác thu gom, quét, xúc các loại đất đá, bụi ven đường trước khi khởi bụi nhằm hạn chế bụi phát tán ra xung quanh. - Ưu tiên sử dụng các biện pháp thay thế (hút bụi công nghiệp, xe quét đường); - Thực hiện giám sát môi trường: Thực hiện giám sát môi trường không khí tại khu vực tập trung đông dân cư.	
4	**Chất thải rắn sinh hoạt**			
	Hoạt động lán trại công nhân	Ô nhiễm rác có thể gây mất mỹ quan, ô nhiễm nguồn nước và cản trở dòng chảy	• **Quản lý chất thải rắn sinh hoạt** Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được xử lý từng bước. Đầu tiên là thu gom chất thải rắn sinh hoạt, phân loại và tách riêng các chất thải rắn có thể được tái sử dụng. Các chất thải không được tái sử dụng sẽ được vận chuyển đến các bãi rác trên địa bàn tỉnh để đổ bỏ theo hợp đồng kinh tế với công ty môi trường đô thị tại địa phương. • **Quản lý chất thải rắn thi công** - Kiểm soát bùn khoan trong hoạt động thi công mố, trụ cầu bằng công nghệ cọc khoan nhồi có sử dụng bentonite - Kiểm soát các nguy cơ bồi lắng bởi đất xói trong thi công đào đắp, san nền - Thu gom chất thải rắn rơi vãi khi thi công phần trên cầu - Thanh thải, phục hồi lòng, bờ sông khu vực thi công cầu	Trong suốt thời gian thi công
5	**Chất thải rắn thi công**			
	San nền, đào đắp và thi công cọc khoan nhồi; Thi công xây lắp các hạng mục Đổ đất đá loại	Nguy cơ ô nhiễm nước sông, kênh và mương tưới do đào đắp nền đường, hố móng và thi công cọc khoan nhồi - Ảnh hưởng sinh hoạt cộng đồng do lầy hóa do bồi lắng đất xói do mưa - Nguy cơ ô nhiễm nước, trầm tích sông, kênh bởi		Thực hiện và duy trì thời gian thi công cọc khoan nhồi và thời gian thi công đào đắp, thanh thải sau khi kết thúc thi công

+

Giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
		chất thải rắn trong thi công phần trên cầu; - Nguy cơ ô nhiễm nước mặt và trầm tích và mương bởi chất thải rắn không được thu gom sau thi công - Nguy cơ tràn đổ đất đá loại tại các vị trí đổ đất đá loại dọc tuyến - Mất mỹ quan môi trường hay gây bức xúc trong cộng đồng do tình trạng đổ bừa bãi	- Đổ đất đá loại đúng nơi quy định tại các bãi đổ chất thải rắn được địa phương quy định; - Ngăn ngừa tràn đổ tại vị trí thi công, bãi đổ đất đá loại và làm sạch khi xảy ra tràn đổ • **Quản lý, xử lý nợước thải sinh hoạt** - Nước thải tắm giặt sẽ được thoát qua hệ thống thoát nước mặt công trường; - Nước thải từ khu vực nhà ăn sẽ được dẫn vào hố cát để giữ lại các chất bẩn sau khi đã qua hố ga có lưới để thu gom rác trước khi cho chảy và nguồn nước mặt; - Sử dụng bể tự hoại tại công trường. Hợp đồng kinh tế với Công ty môi trường đô thị của địa phương thu gom khi đầy bể. Do nằm xa các khu dân cư, môi trường có khả năng tự làm sạch cao, có thể sử dụng các nhà vệ sinh cố định hợp quy tránh xa các nguồn nước. • **Xử lý nước thải thi công**: - Nước rửa thải thi công tại công trường sau khi tái sử dụng còn thừa sẽ được dẫn vào hố lắng hoặc được xử lý bằng cách dẫn qua rãnh có ga thu kết hợp với hệ thống lưới chắn bằng vải địa kỹ thuật trước khi xả vào nguồn nước	
6	**Nước thải sinh hoạt**			
	Hoạt động lán trại công nhân	Nguy cơ gây ô nhiễm chất hữu cơ và mất vệ sinh nếu xâm nhập vào các nguồn nước mặt tại và các khu đất kế cận công trường		Trong suốt thời gian thi công
7	**Nước thải từ khu vực trạm trộn bê tông xi măng và khu vực bảo dưỡng máy móc, rửa xe**			

+

Giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
	Hoạt động của trạm trộn bê tông xi măng. Nước thải từ hoạt động rửa xe và làm mát, bảo dưỡng máy móc thiết bị.	Nguy cơ gây ô nhiễm TSS nếu xâm nhập vào các nguồn nước mặt	• **Quản lý chất thải nguy hại** - Thông qua các hợp đồng kinh tế, Chủ Dự án yêu cầu nhà thầu báo cáo về các loại chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án - Phân loại và lưu trữ tạm thời tất cả các loại dầu thải có chứa trong các thùng chứa riêng biệt dung tích 120L có dán nhãn và lưu trữ tại khu vực sàn kín khít, có mái che; - Lập báo cáo quản lý CTNH định kỳ hàng năm và nộp Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo. - Ký kết hợp đồng với Chủ vận chuyển và xử lý để xử lý chất thải nguy hại theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNTM ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	
8	**Nước thải nguy hại**			
	Hoạt động bảo dưỡng máy móc thiết bị	Nguy cơ gây ô nhiễm đất tại công trường và nước mặt tại vị trí thi công cầu bởi dầu		Trong suốt thời gian thi công
9	**Chất bẩn cuốn theo nước mưa chảy tràn qua công trường thi công**			
	Hoạt động của công trường thi công	Nguy cơ ô nhiễm nước do nước mưa chảy tràn các chất ô nhiễm trên bề mặt công trường	- Bố trí hệ thống thoát nước mưa trên bề mặt trong công trường bao gồm các mương dẫn và hố ga. Nước mưa thu gom, dẫn vào mương dẫn qua hố ga có lưới chắn để thu gom rác. Nước sau hố ga để chảy tràn qua thảm cỏ trên mặt bãi trước khi cho chảy vào dòng nước. - Thu gom các chất bẩn trên mặt đất để tránh gây ô nhiễm nguồn nước xung quanh	Trong suốt thời gian thi công

+

Giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			- Tùy điều kiện thực tế, bề mặt công trường có thể được rải một lớp đá dăm, lớp đá dăm này có tác dụng vừa giảm bụi bề mặt vừa có khả năng lọc chất bẩn bề mặt khi có nước mưa.	
10	***Tác động đến cấp, thoát nước***			
	Hoạt động cải mương hiện trạng và hoàn trả dòng chảy bằng cống ngang	Gián đoạn nguồn nước tưới do cải mương và hoàn trả dòng chảy bằng cống ngang	- Thực hiện đúng quy trình thiết kế trong công tác cải mương - Cung cấp đầy đủ kinh phí	Thời gian thi công cải mương
	Hoạt động thi cầu vượt dòng chảy Hoạt động thi công đào đắp và san nền	Cản trở dòng chảy có mặt cắt hẹp Cản trở nước mưa chảy tràn tạo nguy cơ gây ngập úng cục bộ	- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình và biện pháp thi công - Ngăn ngừa các nguy cơ gây cản dòng nước chảy tràn hoặc dòng chảy sông	Thời gian thi công san nền, đào đắp và thời gian thi công cầu
11	**Vận hành máy móc thiết bị chiếm dụng hành lang giao thông và các khu đất kế cận**			
	Thi công xây dựng tuyến đường	Lấn chiếm hành lang giao thông khi thi công xây dựng tuyến đường gây cản trở giao thông và nguy cơ mất an toàn	- Tuân thủ quy định chung - Đảm bảo giao thông trên đoạn đường vừa thi công vừa khai thác - Đặt biển báo - Đặt cọc tiêu và đèn báo - Hướng dẫn giao thông	Thời gian thi công các vị trí giao cắt giữa tuyến Dự án với các đường hiện hữu

+

Giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
		giao thông tại các vị trí giao cắt với các đường hiện hữu		
	Hoạt động vận chuyển bằng đường bộ sử dụng các đường địa phương	- Nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông do đất rơi vãi trên đường gặp mưa hóa lỏng gây lầy hóa, trơn trượt. - Nguy cơ gây hư hại tiện ích cộng đồng do vận chuyển trên các tuyến đường cấp thấp	- Đối với các đường tỉnh lộ và Quốc lộ: + Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý: Tránh vận chuyển trong giờ cao điểm từ 6 ÷ 8h và 16 ÷ 18h; + Không vận chuyển quá tốc độ; + Che chắn trong quá trình vận chuyển: sử dụng xe có nắp hoặc sử dụng bạt để che chắn tránh làm rơi vãi đất xuống đường. + Vệ sinh, làm sạch: Đất đá loại rơi vãi sẽ được hót ngay và làm sạch đường, bảo đảm không trơn trượt khi trời mưa. - Khi sử dụng đường liên thôn liên xã để vận chuyển: + Thỏa thuận với địa phương về việc sử dụng tạm các đường liên thôn, liên xã đúng với các mục đích vận chuyển; + Không chuyên chở vật liệu và đất đá loại trong các khoảng thời gian đông người dân sử dụng đường và những ngày lễ; + Đảm bảo vệ sinh, an toàn trong quá trình sử dụng, bảo dưỡng đường, bảo đảm người dân đi lại bình thường, an toàn và khôi phục như trạng thái ban đầu trước khi bàn giao cho địa phương	Trong suốt thời gian thi công tuyến
13	**Ồn**			
	Hoạt động thi công	Ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng	- Bảo trì các thiết bị và xe trong giai đoạn xây dựng; - Hạn chế vận hành các máy móc thiết bị đồng thời và tắt các	

+

Giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			máy móc ngay khi không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy; - Hạn chế thi công và vận chuyển phế thải qua khu dân cư dọc theo đường liên thôn, đường liên xã ban đêm, nếu thi công vào ban đêm chỉ sử dụng những máy móc thiết bị có mức âm nguồn thấp.	
14	**Rung**			
	Hoạt động thi công	Ảnh hưởng đến kết cấu các công trình công cộng và dân dụng	- Ưu tiên sử dụng các thiết bị có mức rung nguồn thấp (như hệ thống thủy lực để hạ cọc ván thép, sử dụng đá dăm nước để thi công lớp mặt đường) - Ghi nhận hiện trạng công trình trước khi thi công; - Giám sát mức rung để kịp thời xử lý và đền bù nếu hoạt động thi công gây rung lắc hư hại đến công trình.	Trước và sau thời gian thi công hay khi phát hiện hư hại đối với các công trình lân cận.
15	**Tập trung công nhân**			
	Hoạt động sinh hoạt của công nhân	- Phát sinh mâu thuẫn - Lan truyền bệnh	- Dự án cung cấp các điều kiện ở như lán trại, nước, điện sẽ đảm bảo cho công nhân sống trong các lán trại tại công trường được chăm sóc về sức khoẻ trong khi thi công. - Phối hợp với địa phương bao gồm cả UB MTTQ và Hội phụ nữ với mục đích tuyên truyền cho công nhân hiểu biết về các tệ nạn xã hội, mại dâm, bệnh dịch và HIV trong khu vực. - Phối hợp và hợp tác chặt chẽ với địa phương làm tốt vệ sinh cộng đồng khi có triệu chứng bệnh dịch xuất hiện trong khu vực;	Thực hiện trong thời gian hoạt động của dự án

+

Giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			- Phối hợp và hợp tác với chính quyền địa phương trong ngăn ngừa và đấu tranh chống các tệ nạn xã hội; - Sử dụng những lao động phổ thông, cả nữ và nam, tại địa phương để làm những công việc giản đơn.	
16	**Tác động đến hệ sinh thái**			
	Hoạt động thi công làm phát sinh các chất thải gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường nước	Ảnh hưởng đến hệ sinh thái nước gián tiếp do ô nhiễm nước	- Thực hiện các biện pháp quản lý và xử chất thải đã nêu ở trên. Không xả các chất thải sinh hoạt, chất thải thi công không đáp ứng được các Quy chuẩn môi trường (QCVN 14:2008/BTNMT và QCVN 40:2011/BTNMT) và chất thải nguy hại xuống các nguồn nước xung quanh; - Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn đã nêu ở trên	
II. Vận hành				
	Chất thải rắn từ hoạt động bảo dưỡng			
	Hoạt động bảo dưỡng	Nguy cơ gây mất mỹ quan bởi chất thải rắn	- Thực hiện phân loại và xử lý thích hợp: Phế thải, rác thải sau khi bảo trì, sửa chữa sẽ được phân loại để vận chuyển đến vị trí đó	Thời gian vận hành

			- Nước mưa chảy tràn: + Quản lý tốt nguyên VLXD, chất thải phát sinh. + Tạo đường thoát nước trước khi tiến hành san nền. - Nước thải sinh hoạt: + Sử dụng nhà vệ sinh di động. + Nước thải và phân từ nhà vệ sinh di động: hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý - CTR sinh hoạt: + Chứa trong thùng chứa đặt tại lán trại. + Hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý. - CTR xây dựng: + Chứa trong kho chứa tạm có mái che và gờ bao. + Thu gom liên tục và tái sử dụng hoặc Hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý - CTNH:				

+

Giai đoạn	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát
			+ Thu gom, phân loại, chứa trong khu vực chất thải nguy hại. + Hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý - Phòng ngừa, ứng phó sự cố: thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó các rủi ro, sự cố theo quy định.				
Vận hành	Hoạt động của phương tiên giao thông	- Bụi, ồn, khí thải (CO, NO2, SO2)...	- Có phương án điều tiết mật độ phương tiện vận tải. - Các phương tiện vận tải phải có đủ tiêu chuẩn lưu hành, có giấy kiểm định, kiểm soát khí thải động cơ, chở đúng trọng tải quy định.		Suốt quá trình hoạt động	Sở GTVT	Chủ đầu tư Cơ quan quản lý nhà nước
	Mỹ quan của khu vực	Mỹ quan tuyến đường	- Duy trì và chăm sóc cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan. - Nạo vét hệ thống thoát nước định kỳ. - Quản lý quy hoạch xây dựng 2 bên tuyến đường.		Suốt quá trình hoạt động	Sở GTVT	Cơ quan quản lý nhà nước

+

2.4.2. Chương trình giám sát môi trường

1. Giai đoạn xây dựng

Việc giám sát chất lượng môi trường là một trong những chức năng quan trọng của công tác quản lý chất lượng môi trường và cũng là một trong những phần rất quan trọng của công tác đánh giá tác động môi trường. Việc giám sát có thể được định nghĩa như một quá trình để lập lại các công tác quan trắc và đo đạc.

Để Dự án thực hiện tốt, đồng thời khống chế các tác động xấu đối với môi trường xung quanh, hạn chế tối đa các sự cố môi trường và phù hợp với quy định mới của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 sửa đổi bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường. Chương trình giám sát môi trường sẽ được Chủ dự án thực hiện như sau:

Bảng 1–4: Chương trình giám sát môi trường

Nội dung giám sát	**Điểm quan trắc**	**Thông số quan trắc**	**Tần suất quan trắc**	**Quy chuẩn so sánh/ văn bản hướng dẫn**
Quản lý bụi, khí thải	Kiểm tra, giám sát việc khí thải trong giai đoạn xây dựng đúng theo quy định pháp luật tại thời điểm giám sát		03 tháng/ lần	Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP ngày 10/02/2022; Nghị định số 38/2015/ NĐ-CP ngày 24/04/2015; Thông tư số 02/2022/ TT-BTNMT ngày 10/02/2022.
Quản lý nước thải sinh hoạt và xây dựng	Kiểm tra, giám sát việc quản lý nước thải sinh hoạt và nước thải xây dựng đúng theo quy định pháp luật tại thời điểm giám sát		03 tháng/ lần	
CTR thông thường và CTNH	- Giám sát khối lượng CTR, CTNH phát sinh - Biện pháp lưu trữ, thu gom và vận chuyển		03 tháng/ lần	
	- Khu vực chứa chất thải sinh hoạt - Khu vực chứa CTNH			

2. Giai đoạn vận hành

- Theo khoản 2 Điều 111, khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; điểm a khoản 1 Điều 97, điểm a khoản 1 Điều 98 và các Phụ lục số XXVIII, XXIX, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 sửa đổi bổ sung tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025 của Chính phủ; khoản 5 Điều 21 và mẫu số 04 phụ lục II Thông tư số

02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022; sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì dự án không phải thực hiện quan trắc môi trường xung quanh, nước thải, bụi và khí thải. Tuy nhiên để đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường và an toàn công trình trong quá trình vận hành dự án, Chủ dự án/ đơn vị quản lý vận hành dự án có trách nhiệm thực hiện nội dung công tác vệ sinh môi trường, nạo vét kênh mương, dọn dẹp vệ sinh và giám sát các yếu tố nứt nẻ, sụt lún, hư hỏng mặt đường giao thông và công trình trên tuyến đường.

3. Cam kết của Chủ dự án

Chủ đầu tư cam kết về độ chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Trên cơ sở những tác động môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án và các điều khoản trong Luật Bảo vệ môi trường, các Nghị định, Thông tư, quyết định, Pháp lệnh về bảo vệ môi trường:

- Chủ đầu tư và đơn vị quản lý vận hành cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu, chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường; thực hiện các cam kết với cộng đồng của báo cáo Đánh giá tác động môi trường này; Tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến các giai đoạn của dự án.

- Cam kết thực hiện các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến Dự án.

- Cam kết trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động, dự án đảm bảo đạt các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường bao gồm: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt; QCVN 14: 2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; Tuân thủ đầy đủ các nội dung của các quy định về thu gom, xử lý chất thải nguy hại - Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH AN GIANG

Trần Thanh Vũ